

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 27/2022/DS-PT

Ngày: 18/8/2022

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Bà Phạm Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-DS ngày 15/4/2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐ-PT ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985

Đều có địa chỉ: thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy K1, sinh năm 1950

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Huy T3, sinh năm 1983

3.2. Chị Trần Thị T4, sinh năm 1983

Đều có địa chỉ: Phòng 801, nhà N2b, khu đô thị CB, huyện D, Thành phố Hà Nội.

3.3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985

3.4. Cụ Nguyễn Thị T5, sinh năm 1936

3.5. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1964

3.6. Ông Nguyễn Huy T7, sinh năm 1971

Đều có địa chỉ: thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3.7. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1960

Địa chỉ: thôn VT, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3.8. Bà Nguyễn Thị T9, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn KC, xã TL, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3.9. Bà Nguyễn Thị T10, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn KT, xã E, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3.10. Bà Nguyễn Thị T11, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn G, xã VH, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T3, chị T4, cụ T5, bà T8, bà T6, bà T9, ông T7, bà T10, bà T11: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã X, huyện H, Hải Dương.

3.11. Ông Nguyễn Huy K2, sinh năm 1956

3.12. Ông Nguyễn Huy K3, sinh năm 1951

3.13. Anh Nguyễn Huy K4, sinh năm 1976

3.14. Anh Nguyễn Huy K5, sinh năm 1975

3.15. Bà Nguyễn Thị K6, sinh năm 1950

Người đại diện theo ủy quyền của bà K6: Ông Nguyễn Huy K7, sinh năm 1960.

3.16. Ông Nguyễn Huy K8, sinh năm 1956

3.17. Ông Nguyễn Huy K9, sinh năm 1950

3.18. Ông Nguyễn Huy K10, sinh năm 1960

3.19. Ông Nguyễn Huy K11, sinh năm 1963

3.20. Ông Nguyễn Huy K7, sinh năm 1960

3.21. Ông Nguyễn Huy K12, sinh năm 1959

Đều có địa chỉ: thôn T, xã X, huyện H, Hải Dương.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6.

Tại phiên tòa có mặt chị T2, ông K1, anh T3, chị T4, ông K2, ông K3, anh K4, anh K5, bà K6, ông K8, ông K9, ông K10, ông K11, ông K7, ông K12; vắng mặt bà T1, cụ T5, bà T6, ông T7, bà T8, bà T9, bà T10, bà T11.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh T3, chị T4, chị T2, cụ T5, bà T8, bà T6, bà T9, ông T7, bà T10, bà T11 trình bày:

Bố mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Huy Q (chết ngày 10/8/2020) và cụ Nguyễn Thị T5. Trước năm 1954, cụ Q sinh sống tại huyện K, tỉnh Hải Dương, do cụ là Trưởng tộc (còn gọi là Trưởng họ) của dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương nên dòng họ đã vận động cụ về và giao cho cụ quản lý, trông coi toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất của dòng họ Nguyễn H để cụ thờ cúng từ năm 1954. Năm 1979, bà kết hôn với ông Nguyễn Huy B là con cụ Q, cụ T5 (ông B chết ngày 17/3/2018) và về ở tại phần đất nói trên. Năm 1980 cụ Q, cụ T5 giao lại cho vợ chồng bà quản lý toàn bộ đất đai của dòng họ Nguyễn H.

Năm 1993, vợ chồng bà được UBND tỉnh Hải Hưng nay là tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có nguồn gốc của dòng họ Nguyễn H diện tích 1.507m² thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X (trong đó đất ở là 300m²; đất kinh tế gia đình là 210m² trừ đất 721; đất vườn thừa sử dụng hợp pháp là 997m²). Vào năm 2005 lúc đầu vợ chồng bà và dòng họ Nguyễn H thỏa thuận tách 820m² đất trong tổng số 1.507m² đất nói trên cho dòng họ Nguyễn H, nhưng sau đó dòng họ Nguyễn H không đồng ý và khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18/4/2012, UBND huyện H ra Quyết định số 1368/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A414888 do UBND tỉnh Hải Hưng cấp ngày 26/6/1993 mang tên ông B. Không đồng ý với quyết định trên, ông B khởi kiện Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012. Ngày 12/9/2013, TAND huyện Thanh Hà ban hành bản án hành chính sơ thẩm số 05/2013/HC-ST, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, giữ nguyên Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND huyện H, tỉnh Hải Dương.

Nay bà T1 khởi kiện đề nghị Tòa án buộc phía bị đơn (dòng họ Nguyễn H) trả lại 210m² đất 721 của hộ gia đình bà bị trừ khi giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vào phần đất có nguồn gốc của dòng họ Nguyễn H và đền bù công sức quản lý, duy trì, tôn tạo tính bằng hiện vật là quyền sử dụng đất khoảng 200m² đến 300m² vì hiện tại ngoài chỗ ở tại thửa đất đang tranh chấp, bà không còn chỗ ở nào khác. Nếu phần đất mà bà được giao có tài sản của dòng họ

Nguyễn H thì bà xin hưởng bằng hiện vật và trả giá trị bằng tiền. Ngoài nội dung trên, bà T1 không đề nghị giải quyết thêm nội dung khác.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, anh Nguyễn Huy K4, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 đều trình bày:

Diện tích 1.507m² đất thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương là của dòng họ Nguyễn H. Ông K1 là người hương đăng, quản lý, trông nom phần đất này; nếu ông bận thì có ông K2, anh K4, ông K3, bà K6, anh K5 là người thay ông quản lý, trông nom. Hiện tại dòng họ Nguyễn H không có Trưởng họ (Trưởng tộc), Ban đại diện hay Hội đồng gia tộc; dòng họ Nguyễn H không thỏa thuận được để cử người đại diện tham gia tố tụng.

Do cụ Q là Trưởng họ của dòng họ Nguyễn H, khoảng năm 1954 dòng họ Nguyễn H đón cụ Q từ huyện K, tỉnh Hải Dương về và giao trông nom đất đai, nhà thờ của dòng họ Nguyễn H đến khoảng năm 1980 cụ Q, cụ T5 giao lại cho ông B, bà T1 (là con trai và con dâu) trông coi, quản lý. Do pháp luật về đất đai thời điểm trước đây chưa có quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dòng họ nên dòng họ Nguyễn H chưa làm thủ tục và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà thờ họ. Lợi dụng việc trông coi, quản lý, ông B, bà T1 đã tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khối tài sản trên; dòng họ Nguyễn H nhiều lần yêu cầu ông B, bà T1 tự tháo dỡ, di dời tài sản làm trên đất nhưng nguyên đơn không trả mà còn cho rằng toàn bộ đất nói trên là của mình. Tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012, UBND huyện H đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B, xác định khối tài sản này có nguồn gốc của dòng họ Nguyễn H. Không đồng ý với quyết định này, ông B khởi kiện Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2012/ST-HC ngày 12/9/2013, TAND huyện Thanh Hà quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, giữ nguyên Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012. Do vậy, quyền sử dụng đất và tài sản là nhà thờ trên đất (*trừ các tài sản xây dựng của bà T1 nằm ở phía nam của thửa đất*) mà bà T1 tranh chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu của dòng họ Nguyễn H. Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1. Đối với các tài sản trên đất (*trừ các tài sản của bà T1 nằm ở phía nam của thửa đất*), bị đơn xác định do dòng họ Nguyễn H tạo lập. Đối với các tài sản và cây cối hoa màu khác do có giá trị không đáng kể nên bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bị đơn không đề nghị giải quyết thêm nội dung khác.

Tại Bản án số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã quyết định: Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 163, 164, 166, 579 và Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Điều 100, 166 Luật đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn anh Nguyễn Huy T3, chị Trần Thị T4, chị Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị T9, ông Nguyễn Huy T7, bà Nguyễn Thị T10, bà Nguyễn Thị T11.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 (dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương) trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 210m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương (đo đạc năm 1993) trị giá 1.260.000.000đ.

3. Áng trích đền bù công sức quản lý, duy trì, tôn tạo: Buộc bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 (dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương) trích trả 190m² đất, trị giá 2.040.000.000đ (trong đó có 150m² đất ở trị giá 1.800.000.000đ; 40m² đất trồng cây lâu năm trị giá 240.000.000đ) thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương (đo đạc năm 1993) cho bà T1 được quyền quản lý, sử dụng, đồng thời bà T1 còn được sở hữu đoạn tường bao dài 3,9m, cao 2,1m trị giá 3.086.000đ (ký hiệu I, K, K1); đoạn tường bao dài 9,91m, cao 1,3m trị giá 4.854.000đ; đoạn tường bao dài 20,75m, cao 1,5m trị giá 11.723.750đ; đoạn kè bờ ao dài 34,86m trị giá 19.695.900đ; một cây cau trị giá 400.000đ; một cây thanh long trị giá 44.000đ kèm theo một cột bê tông trị giá 88.000đ; bốn cây dừa trị giá 2.400.000đ.

Bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền cho bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 (dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương) trị giá tài sản 42.292.000đ (đã làm tròn số).

4. Bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 (dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương) tiếp tục quản lý, sử dụng 1208,3m² đất thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương (đo đạc năm 1993) - và được tiếp tục sở hữu các tài sản nằm trên phần đất được giao.

Phần đất của phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 được xác định theo hình có ký hiệu Q1-B1-N-C-P-G-S-Q1.

Phần đất của phía bị đơn (dòng họ Nguyễn H) được xác định theo hình có ký hiệu A-R-B-B1-Q1-S-G-P-O-M-A.

6. Tạm giao cho bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 (dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương) sử dụng diện tích đất nằm trong quy hoạch hành lang giao thông 19,2m² theo hình O-P-E-F do UBND xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương quản lý.

7. Giao bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm, nghĩa vụ xây bức tường để ngăn cách phần diện tích đất phân chia ranh giới đất giữa phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 và phía bị đơn (dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương). Ranh giới phân chia đất là từ phía mép ngoài bức tường bao về phía đông của thửa đất ký hiệu là B1 kẻ một đường thẳng từ đông sang tây tính từ bức tường bao ở phía đông kéo dài 21,29m đến điểm Q1. Nếu đường ranh giới để phân chia đất đến đâu và phạm vào tài sản của ai, thì các bên đương sự phải tự tháo dỡ, phá bỏ.

Đối với phần đất được chia như trên, trong quá trình phân chia tài sản trên đất, nếu phần tài sản nào liên quan đến phần đất chia cho bên kia thì bên được chia phải tự thay đổi kết cấu để trả lại phần lưu không cho phía bên kia. Mọi tài sản khác mà các bên đương sự không đề nghị giải quyết và cây cối thuộc phần đất của ai người đó được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Nếu đường ranh giới hai thửa đất phạm vào tài sản của ai thì người đó phải tự tháo dỡ, phá bỏ tài sản để tạo ranh giới hai thửa đất.

(Toàn bộ đất + công trình xây dựng trên đất, có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 26/11/2021, bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy

K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

Ngày 10/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có Quyết định số 02/2022/QĐ-PT chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm:

Đại diện dòng họ Nguyễn H trình bày: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương xem xét lại bản án sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của TAND huyện Thanh Hà, đề nghị TAND tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ:

- Dòng họ Nguyễn H là dòng họ lớn, sinh sống khắp mọi miền đất nước và nước ngoài, trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và chưa có trường họ nên chưa thể thực hiện được việc họp để cử người tham gia đại diện. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án huyện Thanh Hà triệu tập ông K1, ông K2, ông K3, anh K4, anh K5, bà K6 đến làm việc nhưng do chưa ai trong dòng họ cử những người này tham gia nên họ không đến tham gia làm việc với Tòa án. Do vậy, tại bản án sơ thẩm đã xác định ông Nguyễn Huy K1 là bị đơn, ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, vì dòng họ Nguyễn H thôn T thời điểm đó chưa cử những người này làm đại diện cho dòng họ.

- Về nguồn gốc đất của dòng họ: Nguồn gốc đất có từ trước năm 1895. Trước năm 1954, cụ Nguyễn Huy Cường - ngành trên được đại họ giao trông coi hương hỏa. Đến năm 1954, cụ Q đang sinh sống tại huyện K, tỉnh Hải Dương được dòng họ đón về giao cho trông coi, hương hỏa và thu hoa lợi trên đất của dòng họ. Trong thời gian sử dụng đất của dòng họ, cụ Q chăn nuôi, trồng trọt tạo lập được kinh tế nên có mua diện tích đất ở nơi khác để làm nhà. Đến năm 1980, cụ Q chuyển về ở nơi đất đã mua và giao lại phần diện tích đất nhà thờ cho ông B là con của cụ Q quản lý, sử dụng.

Do Luật đất đai tại thời điểm nhà nước cho phép cấp Giấy chứng nhận QSDĐ chưa có quy định nào cấp đất cho cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, thờ tự nên dòng họ Nguyễn H chưa được chính quyền phổ biến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dòng họ, nhưng thực tế mọi người đều mặc nhiên coi đất đai, nhà thờ nói trên là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của dòng họ Nguyễn H. Ông B đã gian dối, tự ý kê khai nguồn gốc đất của dòng họ Nguyễn H để làm hồ

sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B vào năm 1993. Năm 2008, khi dòng họ trùng tu nhà thờ họ, lúc này ông B đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dòng họ xem và nói đất là của riêng ông B; dòng họ Nguyễn H không đồng tình với việc làm sai trái của ông B, đã nhiều lần yêu cầu ông B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông B không đưa. Trong các năm 2009, 2010 sau nhiều lần thuyết phục gia đình ông B trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thành, dòng họ Nguyễn H đã làm thủ tục khiếu nại đến cấp có thẩm quyền nên UBND huyện H đã ra Quyết định 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B vào năm 1993. Sau đó, ông B khởi kiện tại TAND huyện Thanh Hà đề nghị hủy Quyết định 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND huyện H.

Tại bản án số 05/2013/ST-HC ngày 12/9/2013, TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, giữ nguyên Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND huyện H. Do vậy, quyền sử dụng đất mà bà T1 tranh chấp với dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X là đất của dòng họ Nguyễn H.

- Về diện tích đất 721: Năm 1993, khi Nhà nước thực hiện chia đất nông nghiệp, tại xã X nói riêng và trên toàn bộ tỉnh Hải Hưng nói chung có chủ trương diện tích đất trong vườn rộng vượt tiêu chuẩn quy định thì khi chia đất nông nghiệp sẽ bị trừ phần đất ngoài đồng vào đất vườn thừa. Do ông B gian dối, tự ý kê khai toàn bộ diện tích đất của dòng họ Nguyễn H mà ông B khai nhận là “đất ông cha” thành quyền sử dụng đất của gia đình ông B nên mới bị trừ đất ngoài đồng do sử dụng đất dòng họ. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B đã bị UBND huyện H thu hồi nên không còn diện tích đất này nữa. Mặt khác, thửa đất 1.507m² là đất thờ cúng nên không thể có 210m² đất 721 trong khuôn viên nhà thờ.

Do vậy, dòng họ Nguyễn H không đồng ý trả lại diện tích đất 210m² nói trên cho hộ gia đình bà T1. Nếu có yêu cầu đòi đất thì gia đình bà T1 phải đề nghị UBND xã X giải quyết về diện tích đất nông nghiệp bị trừ ngoài đồng vào đất vườn.

- Về công sức của gia đình cụ Q và gia đình ông B đối với đất và tài sản trên đất của dòng họ Nguyễn H thôn T: Tuy bị dòng họ khai trừ nhưng phần diện tích bà T1 đang sử dụng thuộc đất nhà thờ họ, vẫn được dòng họ tạm cho sử dụng để mưu sinh. Tuy vậy, bà T1 và ông B lại kiện cáo, chửi bới với nhiều mảnh khốc nhằm qua mặt chính quyền như kê khai gian dối để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T1, ông B là người được hưởng lộc của dòng

họ nên không có quyền đòi hỏi quyền lợi. Dòng họ không đồng ý việc Tòa án huyện Thanh Hà áng trích công sức quản lý, duy trì, tôn tạo quy đồi ra 190m² đất. Nếu ai trông coi nhà thờ cũng được áng trích thì dòng họ đã hết đất từ lâu,

- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

+ Các tài liệu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã xác định toàn bộ diện tích đất 1.623m² (theo hồ sơ đo đạc năm 1999) là của dòng họ Nguyễn H. Số liệu 1.608,3m² là số liệu thể hiện trong bản án sơ thẩm, trên thực tế dòng họ không biết. Dòng họ Nguyễn H không giao cho bà T1 quyền trông coi, quản lý tài sản của dòng họ nên bà T1 không có quyền tranh chấp quyền sử dụng đất.

+ TAND huyện Thanh Hà xác định ông K1 là bị đơn còn ông K3, ông K2, anh K4, anh K5, bà K6 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng vì khi Tòa án huyện Thanh Hà giải quyết, dòng họ không có văn bản ủy quyền cử những người này thay mặt dòng họ tham gia tố tụng trong vụ án. Những người này không thể thay mặt dòng họ Nguyễn H để trình bày và quyết định các vấn đề liên quan đến đất của dòng họ.

+ TAND huyện Thanh Hà xác định vụ án do nguyên đơn khởi kiện là tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng trước khi nguyên đơn khởi kiện chưa được Ủy ban xã X tiến hành gọi ông K1, ông K3, ông K2, anh K4, anh K5, bà K6 hoặc đại diện dòng họ đến thông báo hoặc hỏi ý kiến tiến hành hòa giải, tức là chưa đủ điều kiện khởi kiện.

+ Tài sản của dòng họ Nguyễn H là tài sản chung của toàn bộ dòng họ nên toàn bộ các thành viên trong dòng họ đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải chỉ 6 người có tên ghi trong bản án của TAND huyện Thanh Hà.

+ TAND huyện Thanh Hà không đưa UBND huyện H, UBND xã X vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án. Cần phải xác định UBND huyện H, UBND xã X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì UBND huyện H đã ra Quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B. Đặc biệt, UBND huyện H đã giải quyết yêu cầu về quyền lợi của gia đình ông B như: đất ở, đất công tôn tạo, đất 721 trước ngày 18/4/2012, nếu gia đình bà T1 thấy không thỏa đáng thì phải khởi kiện UBND huyện H.

UBND xã X phải chịu trách nhiệm trong việc năm 1993 đã trừ đất 721 của hộ ông B vào đất của dòng họ.

+ Trong vụ án có nhiều vấn đề không khách quan, minh bạch, vi phạm pháp luật, cụ thể: ông K1, ông K3, ông K2, anh K4, anh K5, bà K6 không có

mặt, không ký kết, không khai nội dung gì nhưng trong bản án vẫn thể hiện ý kiến trình bày của những người này là hoàn toàn vu không.

Theo Quy chế làm việc của Hội đồng họ tộc Nguyễn Huy ngày 19/12/2021, Quyết định số 08 ngày 23/01/2022 của Hội đồng họ tộc Nguyễn Huy, Quyết định số 12-2022/QĐ ngày 17/5/2022 về giải thể ban đại diện 13, dòng họ Nguyễn H đã cử ra Ban thường trực Hội đồng họ tộc gồm 8 thành viên: Ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K1, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12. Đề nghị Tòa án để Ban thường trực đại diện cho dòng họ Nguyễn H tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của dòng họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy Hành, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện dòng họ Nguyễn H là ông K8, ông K1, ông K3, ông K9, ông K10, ông K11, ông K7, ông K12 đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm. Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Chị T2 trình bày nguyên đơn bà T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T1, chị T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do chị T2 làm đại diện không đồng ý nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông K1, ông K2, ông K3, anh K5, anh K4, bà K6. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà về phần công sức quản lý, duy trì, tôn tạo. Buộc dòng họ Nguyễn H (đại diện là ông K1, ông K2, ông K3, anh K5, anh K4, bà K6) phải trả cho bà T1 tiền công sức tôn tạo đất khoảng 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Về án phí: Ông K1, ông K2, ông K3, anh K5, anh K4, bà K6 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét

đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 quá hạn nhưng đã được TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận kháng cáo quá hạn; anh K4, anh K5 đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông K1, ông K2, ông K3, bà K6 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của những người này là hợp lệ.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Anh Nguyễn Huy Du là con của ông Nguyễn Huy B (ông B chết ngày 17/3/2018) và bà Nguyễn Thị T1. Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm, anh Du có quan điểm không nhận kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng; quyền và nghĩa vụ dân sự trong vụ án từ ông B. Anh Du xác định không có quyền lợi liên quan đến tài sản đang tranh chấp, từ chối tham gia tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xác định anh Du là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Tại phiên tòa, vắng mặt bà T1, cụ T5, bà T6, ông T7, bà T8, bà T9, bà T10, bà T11 nhưng đều đã ủy quyền cho chị T2 tham gia tố tụng nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của TAND huyện Thanh Hà và xét xử phúc thẩm để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về nội dung kháng cáo: Dòng họ Nguyễn H không giao cho bà T1 quyền trông coi, quản lý tài sản của dòng họ nên bà T1 không có quyền tranh chấp quyền sử dụng đất.

Thực hiện Quyết định 476/QĐ-UB ngày 22/8/1988 của UBND tỉnh Hải Hưng, hộ bà T1 được giao đất làm kinh tế gia đình ở trong vườn là 210m². Năm 1993, thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng, hộ bà T1 bị trừ 210m² đất làm kinh tế gia đình ở trong vườn, mặt khác hộ gia đình bà T1 đã sinh sống trên đất tranh chấp từ năm 1980, có xây dựng công trình trên đất, do vậy bà T1 có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Về nội dung kháng cáo: TAND huyện Thanh Hà xác định vụ án do nguyên đơn khởi kiện là tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng trước khi nguyên đơn khởi kiện chưa được UBND xã X tiến hành gọi ông K1, ông K3, ông K2,

anh K4, anh K5, bà K6 hoặc đại diện dòng họ đến thông báo hoặc hỏi ý kiến tiến hành hòa giải, tức là chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T1 khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Tại đơn khởi kiện, bà T1 xác định ông K1 là bị đơn. UBND xã X đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai vào ngày 08/01/2021 và 26/01/2021 nhưng ông K1 đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do vậy, việc TAND huyện Thanh Hà thụ lý vụ án để giải quyết là đúng quy định.

[4.3] Về nội dung kháng cáo: Tại bản án sơ thẩm đã xác định ông Nguyễn Huy K1 là bị đơn, ông Nguyễn Huy K2, ông Nguyễn Huy K3, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, vì dòng họ Nguyễn H thôn T thời điểm đó chưa cử những người này làm đại diện cho dòng họ.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ:

“- Bị đơn trong vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ là người bị kiện. Bị đơn có thể là thành viên dòng họ hoặc người không phải là thành viên dòng họ nhưng có quyền, nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung của dòng họ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ là người tuy không khởi kiện, không bị kiện nhưng việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm thành viên khác của dòng họ và người không phải là thành viên dòng họ. Thành viên khác của dòng họ được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu được đương sự đề nghị và Tòa án chấp nhận trước khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử”.

Ông K1 là thành viên dòng họ bị bà T1 khởi kiện nên được xác định là bị đơn, còn ông K2, ông K3, anh K4, anh K5, bà K6 là thành viên của dòng họ Nguyễn H, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định những người trên với tư cách đương sự là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chính xác.

Tại cấp phúc thẩm, dòng họ Nguyễn H cử ra Ban thường trực Hội đồng họ tộc gồm 8 thành viên: Ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K1, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12 (trong 8 người này có ông K1, ông K3 đã được cấp sơ thẩm xác định là đương sự trong vụ án), đề nghị Tòa án

để Ban thường trực đại diện cho dòng họ Nguyễn H tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của dòng họ. Do vậy, tại cấp phúc thẩm xác định thêm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12.

[4.4] Về nội dung kháng cáo: Tài sản của dòng họ Nguyễn H là tài sản chung của dòng họ nên toàn bộ các thành viên trong dòng họ đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải chỉ 6 người có tên ghi trong bản án của TAND huyện Thanh Hà.

Theo Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Trường hợp đương sự cung cấp được địa chỉ của thành viên dòng họ thì Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn bà T1 chỉ cung cấp địa chỉ của ông K1, ông K2, ông K3, anh K4, anh K5, bà K6. Mặt khác, TAND huyện Thanh Hà cũng đã có Thông báo yêu cầu các đương sự trong vụ án cung cấp họ tên, địa chỉ của thành viên dòng họ để Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng nhưng không có đương sự nào cung cấp thêm, do vậy việc TAND huyện Thanh Hà xác định tư cách đương sự như tại bản án sơ thẩm là đúng quy định.

[4.5] Về nội dung kháng cáo: TAND huyện Thanh Hà không đưa UBND huyện H, UBND xã X vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án.

UBND huyện H đã ra Quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B, là người bị kiện trong vụ án do ông B khởi kiện hành chính. Trong vụ án này, UBND huyện H và UBND xã X không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không xác định là đương sự trong vụ án.

[4.6] Về nội dung kháng cáo: Trong vụ án có nhiều vấn đề không khách quan, minh bạch, vi phạm pháp luật, cụ thể: ông K1, ông K3, ông K2, anh K4, anh K5, bà K6 không có mặt, không ký kết, không khai nội dung gì nhưng trong bản án vẫn thể hiện ý kiến trình bày của những người này là hoàn toàn vu không.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông K1, ông K3, ông K2, anh K4, anh K5, bà K6 nhưng những người này không hợp tác, khai nhưng không ký nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lập các biên bản về sự việc này, có sự chứng kiến của cán bộ UBND xã X. Tuy nhiên, có một số lời khai của đương sự được cấp sơ thẩm thu thập chưa đảm bảo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án. Tại cấp phúc thẩm đã tiến hành ghi lời khai của đại

diện dòng họ Nguyễn H và những người kháng cáo nên ngoài các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ được thu thập thêm tại cấp phúc thẩm để giải quyết. Do vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vẫn được đảm bảo.

[4.7] Về nội dung kháng cáo: Không đồng ý trả cho bà T1 diện tích đất nông nghiệp 721.

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND huyện H, tỉnh Hải Dương về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B và bản án hành chính sơ thẩm số 05/2012/ST-HC ngày 12/9/2013 của TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, giữ nguyên Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012. Căn cứ vào lời khai của các đương sự điều khai thống nhất về nguồn gốc đất, Hội đồng xét xử xác định thửa đất các đương sự đang tranh chấp có nguồn gốc của dòng họ Nguyễn H thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện Quyết định 476/QĐ-UB ngày 22/8/1988 của UBND tỉnh Hải Hưng ban hành một số quy định về đất ở và đất làm kinh tế gia đình, hộ ông B, bà T1 có 3,5 suất (sản xuất nông nghiệp: 3 suất, đối tượng thương binh: 0,5 suất), được giao 210m² (mỗi suất 60m²) đất làm kinh tế gia đình. Năm 1993, thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng và Quyết định 721 của UBND tỉnh Hải Hưng, hộ ông B, bà T1 bị 210m² đất làm kinh tế gia đình ở trong vườn (giao năm 1988), không được giao ngoài đồng. Như vậy, có căn cứ xác định trong diện tích đất thuộc thửa số 167, 168, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X có 210m² đất 721 của bà T1, anh T3, chị T2 và ông B đã được Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị 01m² đất là 6.000.000 đồng/m² x 210m² thành tiền 1.260.000.000 đồng.

Tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 18/4/2012, UBND huyện H đã thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 414888 do UBND tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) cấp ngày 26/6/1993 (*đã được UBND huyện H đóng dấu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp ngày 19/5/2003*) cho ông B đối với 1.507m² đất (trong đó: đất ở 300m², đất kinh tế gia đình: 210m², đất vườn thừa sử dụng hợp pháp là 997m²); đồng thời giao cho Chủ tịch UBND xã X hướng dẫn đại diện dòng họ Nguyễn H, thôn T và hộ ông B thực hiện các trình tự, thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Như vậy, quyết định hành chính này chỉ thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vì trình tự, thủ tục và nội dung không phù hợp, còn việc xác định ai là người có quyền sử dụng đất, diện tích bao nhiêu, mục đích sử dụng đất như thế nào sẽ được xem xét theo quy định

của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện: Qua hai lần triển khai thực hiện dồn điền, đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng, UBND xã X chỉ chia lại diện tích đất ngoài đồng, còn diện tích đất nông nghiệp bị trừ vào diện tích đất vườn thừa theo Nghị quyết 03 và Quyết định 721 vẫn giữ nguyên hiện trạng. Do vậy, hiện nay trong diện tích đất tại thửa 167, 168, tờ bản đồ số 04 vẫn có 210m² đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng của hộ bà T1. Mặc dù diện tích đất nông nghiệp bị trừ có nguyên nhân từ sự kê khai không đúng của ông B, tuy nhiên khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*, diện tích đất 210m² đã được nhà nước giao cho hộ bà T1 khi thực hiện các chính sách đất đai nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 về việc trả cho hộ bà T1 diện tích đất nông nghiệp 721. Anh Nam, chị T2 và những người được hưởng thừa kế của ông B gồm: cụ T5, anh Nam, chị T2, bà T8, bà T6, bà T9, ông T7, bà T10, bà T11 tự nguyện cho bà T1 được hưởng quyền lợi của mình trong vụ án nên ghi nhận sự tự nguyện này, buộc bị đơn ông K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn (dòng họ Nguyễn H) có nghĩa vụ trả lại cho bà T1 210m² đất được giao theo Nghị quyết 03, Quyết định 721 của UBND tỉnh Hải Hưng.

[4.8] Về nội dung kháng cáo: Không đồng ý trả công sức của gia đình cụ Q và gia đình ông B đối với đất và tài sản trên đất của dòng họ Nguyễn H thôn T:

Dòng họ Nguyễn H thôn T hiện còn 02 tấm bia đá bằng chữ Hán Nôm, đã được Bảo tàng tỉnh Hải Dương dịch toàn bộ nội dung có ghi trong văn bia cho thấy: dòng họ Nguyễn H thôn T có để lại tài sản là nhà thờ và đất đai giao cho tộc trưởng hàng năm thu hoa lợi để dùng vào việc phụng thờ, hương hỏa.

Tại mặt 1, bia thứ nhất được lập năm 1895 có đoạn ghi: *“...ao vườn này tổ thức 3 để lại, nay toàn tộc lấy ra thu hoa lợi của ao để lại hàng năm mua vật bái đường từ đường. Vậy nên khắc vào bia để toàn tộc tuân theo, không để mất hoặc tranh giành...”*.

Tại mặt 3, bia thứ hai được lập năm 1927 có đoạn ghi: *“...đất này giao cho tộc trưởng để phục vụ vào việc hương hỏa...”*.

Năm 1954, dòng họ Nguyễn H giao cho ông Q đất để trông coi, hương hỏa và thu hoa lợi trên đất của dòng họ. Năm 1980, ông Q mua đất ở vị trí khác và giao lại cho ông B trông coi đất của dòng họ. Việc giao đất tuy không có văn

bản của dòng họ nhưng thực tế gia đình ông Q, sau đó là gia đình ông B trực tiếp sinh sống trên đất của dòng họ, xây dựng công trình nhưng trong dòng họ không ai có ý kiến phản đối, hàng năm vẫn tổ chức họp họ.

Về hiện trạng đất trước đây có 1 rãnh phía tây nhưng không xác định được diện tích, độ sâu, gia đình ông B đã tiến hành san lấp để có được mặt bằng như hiện nay (không xác định được khối lượng san lấp).

Hội đồng xét xử thấy diện tích đất tranh chấp là đất dòng họ, khi ông Q sau đó là ông B sử dụng thửa đất thì được thu hoa lợi từ thửa đất, việc trông nom, quản lý đất là trách nhiệm, nghĩa vụ của trưởng họ, xuất phát từ phong tục, tập quán của người Việt, truyền thống của dòng họ, đã ghi rõ trong văn bia nên chấp nhận một phần kháng cáo, xác định không có căn cứ chấp nhận việc tính công sức trông nom, duy trì, quản lý. Tuy nhiên, gia đình ông B có san lấp đất nên tính cho gia đình ông B công san lấp là 5.000.000 đồng.

[4.9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông K1, ông K3, ông K2, bà K6, anh K4, anh K5, sửa bản án sơ thẩm về phần tính công sức; giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn ông K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn (dòng họ Nguyễn H) trả lại bà T1 210m² đất nông nghiệp. Bà T1 được sở hữu các tài sản của dòng họ Nguyễn H tạo lập nằm trên phần đất được trả lại và có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho dòng họ Nguyễn H gồm đoạn tường bao dài 7,3m, cao 2,1m trị giá 5.776.359 đồng; đoạn tường bao dài 9,23m, cao 1,3m trị giá 4.520.930 đồng; đoạn tường bao dài 11,74m, cao 1,5m trị giá 6.633.100 đồng; giá trị tài sản bà T1 trả sang cho các thành viên dòng họ Nguyễn H là 16.930.389 đồng.

Các thành viên dòng họ Nguyễn H được sở hữu các tài sản gia đình bà T1 làm trên đất dòng họ là 56,93m kè bờ ao trị giá 32.165.450 đồng và 1 cây dừa trị giá 600.000 đồng. Tổng số tiền các thành viên dòng họ Nguyễn H có trách nhiệm trả bà T1 về tài sản trên đất và công tôn tạo là 37.765.450 đồng.

Về tài sản khác trên đất các bên đương sự không tranh chấp nên tài sản nằm trên phần đất của bên nào thì bên đó tiếp tục quản lý, sở hữu. Nếu đường ranh giới hai thửa đất phạm vào tài sản của ai thì các bên đương sự phải tự tháo dỡ, phá bỏ tài sản để tạo ranh giới thửa đất.

[4.10] Sau khi trả cho bà T1 diện tích 210m² đất, diện tích đất còn lại tại thửa 167, 168, tờ bản đồ số 4 thuộc quyền sử dụng của dòng họ Nguyễn H. Tuy nhiên, về phía tây của thửa đất giáp lối đi vào đất, giữa dòng họ và hộ giáp ranh anh Thắng chưa thống nhất ranh giới, mốc giới. Đại diện dòng họ Nguyễn H đề nghị để dòng họ và gia đình anh Thắng tự giải quyết, nếu không thỏa thuận được

sẽ khởi kiện tại vụ án khác, không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, đối với phần diện tích đất còn lại của dòng họ Nguyễn H sau khi trả đất cho bà T1, dòng họ Nguyễn H làm thủ tục với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã xác định được ranh giới, mốc giới với họ anh Thắng.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, đại diện dòng họ Nguyễn H đã nộp tiền lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đại diện dòng họ Nguyễn H chịu 2.000.000 đồng tiền lệ phí, bà T1 chịu 2.000.000 đồng tiền lệ phí.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông K1, ông K3, ông K2, bà K6, anh K4, anh K5 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông K1, ông K3, ông K2, bà K6, anh K4, anh K5. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào các điều 163, 164, 166, 186, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26, Điều 100, Điều 166 Luật đất đai, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc xác định 210m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương (đo đạc năm 1993) thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Huy T3, chị Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị T9, ông Nguyễn Huy T7, bà Nguyễn Thị T10, bà Nguyễn Thị T11.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Huy T3, chị Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị T9, ông Nguyễn Huy T7, bà Nguyễn Thị T10, bà Nguyễn Thị T11 đề nghị Tòa án tuyên giao quyền lợi của mình cho bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Huy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên dòng họ Nguyễn H gồm ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12, ông Nguyễn Huy K2, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 210m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc thửa số 167, 168 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương (đo đạc năm 1993).

(Diện tích đất 210m² thuộc quyền sử dụng của bà T1 trên sơ đồ được giới hạn bởi các điểm mốc A13, A15, A16, B1, B2, B3 đến A13, kích thước các cạnh: A13A15 = 9.23m; A15A16 = 8.41m; A16B1 = 7.96m; B1B2 = 3.97m; B2B3 = 17.62m; B3A13 = 11.94m).

Bà T1 được sở hữu các tài sản của dòng họ Nguyễn H xây dựng trên phần đất được trả lại gồm đoạn tường bao dài 7,3, cao 2,1m; đoạn tường bao dài 9,23m, cao 1,3m; đoạn tường bao dài 11,74m, cao 1,5m và có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho đại diện dòng họ Nguyễn H gồm ông Nguyễn Huy K1, ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12, ông Nguyễn Huy K2, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 là 16.930.389 đồng.

Đại diện dòng họ Nguyễn H gồm ông Nguyễn Huy K1, ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12, ông Nguyễn Huy K2, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 được sở hữu 56,93m² kê bờ ao và 01 cây dừa, có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T1 32.765.450 đồng.

Các tài sản khác mà các bên đương sự không đề nghị giải quyết và cây cối thuộc phần đất của ai thì người đó được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Nếu đường ranh giới để phân chia đất đến đâu và phạm vào tài sản của ai thì các bên đương sự phải tự tháo dỡ, phá bỏ.

(Vị trí, hình thể, kích thước, diện tích theo sơ đồ kèm theo bản án).

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc xác định gia đình bà có công tôn tạo đất. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Huy T3, chị Trần Thị T4, chị Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn

Thị T8, bà Nguyễn Thị T6, bà Nguyễn Thị T9, ông Nguyễn Huy T7, bà Nguyễn Thị T10, bà Nguyễn Thị T11 đề nghị Tòa án tuyên giao quyền lợi của mình cho bà Nguyễn Thị T1. Buộc đại diện dòng họ Nguyễn H gồm ông Nguyễn Huy K1, ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12, ông Nguyễn Huy K2, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 trả công tôn tạo đất cho bà T1 là 5.000.000 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc các thành viên dòng họ Nguyễn H trả công sức quản lý, duy trì đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền trên, người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Đại diện dòng họ Nguyễn H gồm ông Nguyễn Huy K1, ông Nguyễn Huy K8, ông Nguyễn Huy K3, ông Nguyễn Huy K9, ông Nguyễn Huy K10, ông Nguyễn Huy K11, ông Nguyễn Huy K7, ông Nguyễn Huy K12, ông Nguyễn Huy K2, anh Nguyễn Huy K4, anh Nguyễn Huy K5, bà Nguyễn Thị K6 chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp). Bà T1 phải trả cho đại diện dòng họ Nguyễn H số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T1, ông K1. Ông K1, ông K3, ông K2, bà K6, anh K4, anh K5 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Nguyễn Huy K4 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số AA/2020/0003353 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hải Dương. Trả lại anh Nguyễn Huy K5 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số AA/2020/0003354 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh